TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 05134

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Anh văn kỹ thuật (207300) - 001_DH14CK_01** Số Tín Chỉ **2**

Ngày Thi **24/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **HD305** Giảng viên:**Đặng Hữu Dũng**

Lớp **DH12CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12153043	Hồ Thành	Danh	DH12CD			1,6	0,5	1,9	4	4	0
2	12153062	Nguyễn Văn	Đức	DH12CD			1,4	0,7	1,3	3,4	3	4
3	13118004	Nguyễn Thế	Bảo	DH13CC			1,2	0,2	1,2	2,6	2	6
4	13118052	Cao Ngọc	Thận	DH13CC			1,2	0,6	2,3	4,1	4	1
5	13118220	Nguyễn Ngọc	Nguyên	DH13CC			1,2	1,2	0,8	3,2	3	2
6	13118353	Hoàng Đức	Vũ	DH13CC			1,8	0,9	3,6	6,3	6	3
7	13138255	Phùng Anh	Vĩ	DH13TD			1,2	0,4	0,9	2,5	2	5
8	13153009	Ngô Thanh	Huy	DH13CD			1,2	0,7	2,7	4,6	4	6
9	13153014	Trịnh Đình	Minh	DH13CD			1,4	1,2	1,8	4,4	4	4
10	13153042	Tạ Văn	Bình	DH13CD		V				/	0	0
11	13154015	Nguyễn Tấn	Hải	DH13OT			1,6	0,4	2,8	4,8	4	8
12	13154076	Huỳnh Đức	Bình	DH13OT			1,8	1,3	3,4	6,5	6	5
13	13154194	Nguyễn Nhật	Trường	DH13OT			1,6	0,6	2,7	4,9	4	9
14	14118001	Bùi Văn	An	DH14CK			1,6	0,9	1,7	4,2	4	2
15	14118012	Phạm Đăng	Duy	DH14CC			1,6	1,2	4,8	7,6	7	6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Anh văn kỹ thuật (207300) - 001_DH14CK_01** Số Tín Chỉ **2**

Ngày Thi **24/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **HD305** Giảng viên: **Đặng Hữu Dũng**

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118034	Đinh Đức	Kiên	DH14CK			1,4	0,5	1,3	3,2	3	2
17	14118042	Nguyễn Trung	Nguyên	DH14CK			1,4	0,6	3,5	5,5	5	5
18	14118068	Nguyễn Quốc	Thiện	DH14CK	V					/		
19	14118081	Lê Ngọc Đăng	Trình	DH14CK			1,6	0,8	3,3	5,7	5	7
20	14118083	Trương Minh	Trí	DH14CK	V					/		
21	14118088	Hồ Hoàng	Tuấn	DH14CK			1,4	0,1	1,1	2,6	2	6
22	14118093	Trần Phước	Vinh	DH14CK			1,4	0,4	1,9	3,7	3	7
23	14118102	Hồ Chí	Bảo	DH14CK			1,4	0,4	1,8	3,6	3	6
24	14118116	Trương	Chiến	DH14CK			1,8	0,3	2	4,1	4	1
25	14118120	Nguyễn Minh	Cương	DH14CK			1,2	0,5	1,8	3,5	3	5
26	14118131	Lê Văn	Dương	DH14CK			1,2	0,3	1,1	2,6	2	6

Số sinh viên dự thi: 23 Số sinh viên vắng: 03

Ngày 27 Tháng 6 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Đặng Hữu Dũng

Cán bộ coi thi 2

Lê Khắc Quí

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Đặng Hữu Dũng

Cán Bộ Chấm Thi 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 05135

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Anh văn kỹ thuật (207300) - 002_DH14CK_01** Số Tín Chỉ **2**

Ngày Thi **24/06/2016** **Giờ Thi: 12:15** Phòng Thi **RD305** **Giảng viên:Đặng Hữu Dũng**

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118134	Nguyễn Văn	Dại	DH14CK			1,6	0,8	2	3,4	3	4
2	14118141	Trần Văn	Điệp	DH14CK			1,6	0,5	1,2	3,3	3	3
3	14118181	Phạm Duy	Khanh	DH14CC			1,4	0,7	1,9	4	4	0
4	14118186	Phạm Anh	Khoa	DH14CK			1,4	0,9	1,4	3,7	3	7
5	14118188	Trần Nguyễn Phương	Khôi	DH14CK			1,4	0,5	2,4	4,3	4	3
6	14118189	Nguyễn Tuấn	Kiệt	DH14CK	V	V				/	0	0
7	14118210	Nguyễn Minh	Nhật	DH14CK			1,2	0,4	2,2	3,8	3	8
8	14118215	Võ Tấn	Phát	DH14CC	V	V				/	0	0
9	14118216	Nguyễn Nhật	Phi	DH14CK			1,2	0,6	1,4	3,2	3	2
10	14118217	Đỗ Thanh	Phong	DH14CK			1,6	0,4	1	3	3	0
11	14118246	Trần Văn	Tài	DH14CK			1,6	0,3	0,6	2,5	2	5
12	14118267	Nguyễn Hoàng	Thông	DH14CK			1,4	0,5	2,1	4	4	0
13	14118280	Nguyễn Minh	Trí	DH14CK	V	V				/	0	0
14	14118283	Lê Đức	Trọng	DH14CK			1,4	0,2	0,5	2,1	2	1
15	14118308	Lê Trọng	Văn	DH14CC	V	V				/	0	0

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Anh văn kỹ thuật (207300) - 002_DH14CK_01** Số Tín Chỉ **2**

Ngày Thi **24/06/2016** **Giờ Thi: 12:15** Phòng Thi **RD305** **Giảng viên:Đặng Hữu Dũng**

Lớp **DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14137006	Triệu Kim	Tú	DH14NL			1,4	0,5	1,5	3,4	3	4
17	14137053	Lê Minh	Nhựt	DH14NL			1,4	1	3,9	6,4	6	4
18	14137074	Nguyễn Mậu	Thiết	DH14NL			1,4	0,3	1,9	3,6	3	6
19	14137091	Phạm Đức	Tuyên	DH14NL			1,6	0,6	2,2	4,4	4	4
20	14137097	Lê Hoàng	Vũ	DH14NL			1,4	0,5	2,6	4,5	4	5
21	14138005	Phạm Quốc	Dũng	DH14TD			1,2	1	3,7	5,9	5	9
22	14138016	Phạm Đăng	Khôi	DH14TD			1,6	1,2	5,2	8	8	8
23	14138017	Trần Đức	Lãm	DH14TD			1,4	0,8	1,8	4	4	0
24	14138020	Lê	Nghiêm	DH14TD			1,4	0,6	2,2	4,2	4	2
25	14138036	Nguyễn Hữu Nguyên	Chương	DH14TD			1,4	0,6	1,1	3,1	3	1
26	14153065	Lê Ngọc	Ân	DH14CD			1,6	0,8	3,9	6,3	6	3
27	14153067	Nguyễn Khắc	Bổng	DH14CD			1,4	0,3	2	3,7	3	7

Số sinh viên dự thi: 23 .Số sinh viên vắng: 04

Ngày 27 Tháng 06 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1 — Lý Thị Hồng Diệp

Cán bộ coi thi 2 — Phạm Quang Thắng

Xác nhận của Bộ Môn — PGS.TS.Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1 — Đặng Hữu Dũng

Cán Bộ Chấm Thi 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 05136

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Anh văn kỹ thuật (207300) - 001_DH14CK_02** Số Tín Ch **2**

Ngày Thi **24/06/2016** **Giờ Thi: 12:15** Phòng Thi **RD204** **Giảng viên:Đặng Hữu Dũng**

Lớp **DH10CC (Đại học chính quy (Tín chỉ)-Cơ khí chế biến nông sản thực ph)** Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	10119032	Võ Thị	Nga	DH10CC			1,2	0,6	2,2	4	4	0
2	13118026	Nguyễn Hoàng	Linh	DH13CC			1,4	0,9	1,2	3,5	3	5
3	13118037	Nguyễn	Nhựt	DH13CC			1,4	0,3	1,7	3,4	3	4
4	13118101	Đoàn Quốc	Dũng	DH13CC			1,6	1,1	3,1	5,8	5	8
5	13138129	Trương Văn	Ngọc	DH13TD			1,8	0,8	3	5,6	5	6
6	14118002	Lê Văn Thế	Anh	DH14CC			1,4	0,7	2,3	4,4	4	4
7	14118004	Đồng Văn	Bảo	DH14CK			0,8	0,1	0,7	1,6	1	6
8	14118011	Nguyễn Anh	Duy	DH14CC			1,4	0,5	1,6	3,5	3	5
9	14118013	Bùi Tấn	Dương	DH14CK			1,4	0,6	1,3	3,3	3	3
10	14118014	Nguyễn Bảo	Đảm	DH14CC			1,6	1,3	1,6	4,5	4	5
11	14118019	Nguyễn Hùng	Giang	DH14CC			1,4	0,2	1,1	2,7	2	7
12	14118027	Nguyễn Đại	Hoàng	DH14CK			1,4	0,2	1	2,6	2	6
13	14118046	Nguyễn Phúc Bảo	Nhi	DH14CC			1,8	0,8	2,8	5,4	5	4
14	14118047	Nguyễn Hữu	Phát	DH14CC			1,4	0,5	1,6	3,5	3	5
15	14118072	Nguyễn Gia	Thuật	DH14CK			1,4	0,4	1,3	3,1	3	1

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Anh văn kỹ thuật (207300) - 001_DH14CK_02** Số Tín Chỉ **2**

Ngày Thi **24/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **RD204** Giảng viên:**Đặng Hữu Dũng**

Lớp **DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118092	Nguyễn Hoàng Anh	Tú	DH14CC			1,4	0,6	1,3	3,3	3	3
17	14118118	Phạm Đức	Công	DH14CC			1,8	1,2	2,1	5,1	5	1
18	14118123	Nguyễn Ngọc	Cường	DH14CK			1,6	0,6	0,6	2,8	2	8
19	14118132	Nguyễn Võ Trí	Dương	DH14CK			1,6	0,6	1,4	3,6	3	6
20	14118139	Phạm Thành	Đạt	DH14CC			1,4	1,1	1,9	4,4	4	4
21	14118159	Phạm Tấn	Hiệp	DH14CK			1,6	0,5	2,2	4,3	4	3
22	14118162	Bùi Xuân	Hoàng	DH14CK			1,6	0	1,3	2,9	2	9
23	14118170	Bùi Quang	Huy	DH14CK			1,2	0,4	2,5	4,1	4	1
24	14118187	Nguyễn Hữu	Khôi	DH14CC			1,6	1,1	2,6	5,3	5	3
25	14118192	Lê Thành	Long	DH14CK			1,6	0,7	2,7	5	5	0
26	14118238	Trương Tuấn	Sang	DH14CC			1,6	0,5	2,1	4,2	4	2
27	14118239	Văn Công	Sĩ	DH14CK			1,4	0,5	2,1	4	4	0
28	14118254	Nguyễn Hữu	Thái	DH14CC			1,6	0,7	4,4	6,7	6	7
29	14118259	Nguyễn Gia	Thế	DH14CK			1,6	0,4	2	4	4	0
30	14118264	Nguyễn Xuân	Thiệu	DH14CK			1,2	0,4	1,8	3,4	3	4

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 05137

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Anh văn kỹ thuật (207300) - 002_DH14CK_02** Số Tín Chỉ **2**

Ngày Thi **24/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **RD403** Giảng viên:**Đặng Hữu Dũng**

Lớp **DH14CK (Cơ khi nông lâm)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118266	Phan Minh	Thoại	DH14CK			1,4	0,2	2	3,6	3	6
2	14118319	Lê Anh	Tuấn	DH14CC			1,6	0,5	2	4,1	4	1
3	14118322	Nguyễn Duy	Xuân	DH14CK			1,2	0,4	1	2,6	2	6
4	14138002	Nguyễn Mạnh	Cường	DH14TD			1,6	0,8	2,3	4,7	4	7
5	14138009	Hoàng Văn Anh	Đức	DH14TD			1,6	0,5	2	4,1	4	1
6	14138022	Bùi Thanh	Phong	DH14TD			1,6	0,7	2,6	4,9	4	9
7	14138026	Nguyễn Thanh	Quang	DH14TD			1,4	0,4	3,2	5	5	0
8	14138032	Lâm Văn	Tiến	DH14TD			1,4	0,3	2,8	4,5	4	5
9	14138091	Dương Thanh	Thảo	DH14TD			0,8	0,3	1,9	3	3	0
10	14153007	Phạm Hòa	Chính	DH14CD			1,2	0,8	2,5	4,5	4	5
11	14153010	Trần Vũ Anh	Duy	DH14CD			0,8	1,4	3,3	5,5	5	5
12	14153015	Đặng Đình	Hiệp	DH14CD			0,8	0,4	1,3	2,5	2	5
13	14153031	Lê Nhật	Nam	DH14CD			1,2	0,4	3,2	4,8	4	8
14	14153045	Võ Xuân	Quỳnh	DH14CD			1,4	0,7	1,3	3,4	3	4
15	14153094	Hứa Tiến	Hưng	DH14CD			1,4	0,5	2,8	4,7	4	7

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Anh văn kỹ thuật (2073001) - 002_DH14CK_02** Số Tín Chỉ 2

Ngày Thi **24/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **RD403** Giảng viên:**Đặng Hữu Dũng**

Lớp **DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20 %	D2 20 %	D.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14153133	Nguyễn Văn	Thuần	DH14CD			1,4	0,5	3,1	5	5	0
17	14154019	Lê Minh	Hiếu	DH14OT			1,2	0,7	3,7	5,6	5	6
18	14154033	Trần Phạm	Lộc	DH14OT			1,2	0,5	1,7	3,4	3	4
19	14154049	Hoàng Ngọc	Tấn	DH14OT			1,2	0,5	2,5	4,2	4	2
20	14154142	Trương Quang	Thanh	DH14OT			1,2	0,7	2,1	4	4	0

Số sinh viên dự thi: 20 Số sinh viên vắng: 0.0

Ngày 27 Tháng 06 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của Bộ Môn Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

PGS.TS.Nguyễn Huy Bích

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 05138

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207302) - 001_CD13CI_01** Số Tín Chỉ **3**

Ngày Thi **16/06/2016** Giờ Thi: **07:00** Phòng Thi **RD503** Giảng viên:**Nguyễn Hải Triều**

Lớp **DH12CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12118079	Võ Hồng	Quốc	DH12CK			0,5		1	1,5	1	5
2	12344080	Nguyễn Thành	Lợi	CD12CI			9,5		5	5,5	5	5
3	12344163	Văn Văn	Dư	CD12CI	✓	✓					0	
4	12344191	Hà Tấn	Tài	CD12CI			0,5		4,5	5,0	5	0
5	13118006	Trần Quang	Chung	DH13CK			0,5		4,5	5,0	5	0
6	13118015	Võ Đình	Hải	DH13CK			0,5		4,5	5,0	5	0
7	13118020	Nhữ Sỹ	Hùng	DH13CK			0,5		6,0	6,5	6	5
8	13118021	Lương Phan Bá	Khóe	DH13CK			0,5		3,0	3,5	3	5
9	13118024	Ngô Minh	Lan	DH13CK			1,0		7,0	8,0	8	0
10	13118030	Trần Quốc	Nam	DH13CK			1,0		7,0	8,0	8	0
11	13118033	Phạm Đình	Nguyên	DH13CK			1		4,0	5,0	5	0
12	13118035	Nguyễn Đình	Nhật	DH13CK	✓	✓					0	
13	13118044	Nguyễn Như	Quỳnh	DH13CK			0,5		4,5	5,0	5	0
14	13118045	Nguyễn Văn	Sang	DH13CK			0,5		5	5,5	5	5
15	13118058	Lê Quang	Trọng	DH13CK			9,5		8	8,5	8	5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207302) - 001_CD13CI_01** Số Tín Ch **3**

Ngày Thi **16/06/2016** **Giờ Thi: 07:00** Phòng Thi **RD503** **Giảng viên:Nguyễn Hải Triều**

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118064	Nguyễn Văn	Tyl	DH13CK			1,0		7,5	8,5	8	5
17	13118071	Mai Công	Anh	DH13CK			0,8		7,0	7,8	7	8
18	13118091	Nguyễn Duy	Cường	DH13CK	✓	✓					V	
19	13118095	Lưu Trần Tấn	Duy	DH13CK			0,5		5,5	6,0	6	0
20	13118104	Nguyễn Đông	Dương	DH13CK			0,5		5,5	6,0	6	0
21	13118108	Lâm Hữu Nguyễn	Đan	DH13CK			0,5		5,0	5,5	5	5
22	13118135	Trần Tuấn	Hiển	DH13CK			1,0		7,0	8,0	8	0
23	13118163	Lâm Thái	Hùng	DH13CK			0,5		4,0	4,5	4	5
24	13118181	Nguyễn Văn	Khánh	DH13CK			0,5		2,5	3,0	3	0
25	13118186	Đào Xuân	Khôi	DH13CK			0,5		4,5	5,0	5	0
26	13118189	Nguyễn Hữu	Kiệt	DH13CK			1		6,5	7,5	7	5
27	13118201	Nguyễn Tấn	Lộc	DH13CK			0,5		4,0	4,5	4	5
28	13118208	Bùi Lương Bảo	Minh	DH13CK			0,5		5,0	5,5	5	5
29	13118276	Đàm Minh	Thái	DH13CK			0,5		4,5	5,0	5	0
30	13118337	Nguyễn Thanh	Tuấn	DH13CK		✓	0,5		7,0	7,5	7	5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Máy và TB phục vụ chăn nuôi (207302) - 001_CD13CI_01** Số Tín Ch **3**

Ngày Thi **16/06/2016** Giờ Thi: **07:00** Phòng Thi **RD503** Giảng viên:**Nguyễn Hải Triều**

Lớp **CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13334001	Võ Ngọc	An	CD13CI	An		0,5		2	2,5	2	5
32	13334081	Nguyễn Bá	Huy	CD13CI	√	√					0	
33	13334113	Mai Vĩnh	Lợi	CD13CI	Vinh		0,5		3	3,5	3	5
34	13334179	Phan Văn	Thành	CD13CI	√	√					0	
35	13334189	Đặng Tuấn	Thi	CD13CI	√	√					0	
36	13334209	Phạm Thành	Tiến	CD13CI			0,5		1	1,5	1	5

Số sinh viên dự thi: 30 Số sinh viên vắng: 6

Ngày 5 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của Bộ Môn Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Dũng Lê Văn Tuấn Đặng Thái Hùng Nguyễn Hải Triều

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 05141

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Cấu tạo truyền động máy kéo (207309) - 001_DH13CK_01** Số Tín Chỉ **3**

Ngày Thi **14/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **TV103** **Giảng viên:Võ Văn Thưa**

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ___%	D2 ___%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118008	Nguyễn Hoài Anh	Duy	DH13CK			0,5	1,0	2,0	3,5	3	5
2	13118010	Lê Tiến	Đạt	DH13CK			0,5	1,5	4,0	6,0	6	0
3	13118011	Trần Đình	Đức	DH13CK			0,5	1,0	2,5	4,0	4	0
4	13118015	Võ Đình	Hải	DH13CK			0,5	1,5	3,5	5,5	5	5
5	13118017	Trần Văn	Hiệu	DH13CK			0,5	1,0	5,5	6,5	6	5
6	13118020	Nhữ Sỹ	Hùng	DH13CK			0,5	1,5	5,5	7,5	7	5
7	13118021	Lương Phan Bá	Khỏe	DH13CK			0,5	1,5	3,0	5,0	5	0
8	13118024	Ngô Minh	Lan	DH13CK			0,5	1,5	6,0	8,0	8	0
9	13118025	Nguyễn Hoàng	Liêm	DH13CK			0,5	1,0	6,0	7,5	7	5
10	13118030	Trần Quốc	Nam	DH13CK			0,5	1,0	6,5	8,0	8	0
11	13118040	Nguyễn Văn	Phụng	DH13CK			0,5	1,0	6,5	8,0	8	0
12	13118041	Lê Minh	Phương	DH13CK			0,5	1,0	4,0	5,5	5	5
13	13118045	Nguyễn Văn	Sang	DH13CK			0,5	1,0	1,5	3,0	3	0
14	13118049	Lương Ngọc	Tân	DH13CK			0,5	1,0	2,5	4,0	4	0
15	13118054	Đoàn Văn	Thoại	DH13CK			0,5	1,5	5,0	7,0	7	0

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Cấu tạo truyền động máy kéo (207309) - 001_DH13CK_01** Số Tín Ch **3**

Ngày Thi **14/06/2016** **Giờ Thi: 12:15** Phòng Thi **TV103** **Giảng viên:Võ Văn Thưa**

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118058	Lê Quang	Trọng	DH13CK			0,5	1,5	4,5	6,5	6	5
17	13118064	Nguyễn Văn	Tyl	DH13CK			0,5	1,5	4,5	6,5	6	5
18	13118071	Mai Công	Anh	DH13CK			0,5	1,5	5,5	7,5	7	5
19	13118091	Nguyễn Duy	Cường	DH13CK			0,5	1,5	4,0	6,0	6	0
20	13118104	Nguyễn Đông	Dương	DH13CK			0,5	1,5	3,0	5,0	5	0
21	13118108	Lâm Hữu Nguyễn	Đan	DH13CK			0,5	1,5	5,5	7,5	7	5
22	13118123	Trịnh Đình Thanh	Đức	DH13CK			0,5	1,0	3,5	5,0	5	0
23	13118133	Nguyễn Hoàng	Hảo	DH13CK			0,5	1,5	3,5	5,5	5	5
24	13118135	Trần Tuấn	Hiển	DH13CK			0,5	1,5	5,0	7,0	7	0
25	13118137	Nguyễn Trọng	Hiếu	DH13CK			0,5	1,5	6,0	8,0	8	0
26	13118140	Đặng Ngọc	Hiệu	DH13CK			0,5	1,5	6,0	8,0	8	0
27	13118163	Lâm Thái	Hùng	DH13CK			0,5	1,0	6,5	8,0	8	0
28	13118191	Nguyễn Tùng	Lâm	DH13CK			0,5	1,0	6,5	8,0	8	0
29	13118201	Nguyễn Tấn	Lộc	DH13CK			0,5	1,0	1,0	2,5	2	5
30	13118208	Bùi Lương Bảo	Minh	DH13CK			0,5	1,5	2,0	4,0	4	0

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Cấu tạo truyền động máy kéo (207309) - 001_DH13CK_01** Số Tín Chỉ **3**

Ngày Thi **14/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **TV103** **Giảng viên:Võ Văn Thưa**

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13118209	Đỗ Văn	Minh	DH13CK			0,5	0,5	1,0	2,0	2	0
32	13118214	Trần Hoài	Nam	DH13CK		V	0	0	0	0	0	0
33	13118230	Cao Hoàng	Phi	DH13CK			0,5	1,0	4,5	6,0	6	0
34	13118231	Nguyễn Văn	Phi	DH13CK			0,5	1,5	1,5	3,5	3	5
35	13118232	Bùi Tấn	Phong	DH13CK			0,5	1,0	4,5	6,0	6	0
36	13118249	Tạ Văn	Quyền	DH13CK			0,5	1,5	5,0	7,0	7	0
37	13118275	Đặng Anh	Thảo	DH13CK			0,5	1,5	6,5	8,5	8	5
38	13118276	Đàm Minh	Thái	DH13CK			0,5	1,0	1,5	3,0	3	0
39	13118282	Trần Nam	Thắng	DH13CK			0,5	1,5	1,5	3,5	3	5
40	13118290	Phạm Quốc	Thuyên	DH13CK			0,5	1,5	3,0	5,0	5	0
41	13118307	Nguyễn Triệu	Toàn	DH13CK			0,5	1,5	5,0	7,0	7	0
42	13118312	Bạch Huy	Trí	DH13CK			0,5	1,5	7,0	9,0	9	0
43	13118313	Đặng Xuân	Trọng	DH13CK			0,5	1,5	4,0	6,0	6	0
44	13118317	Lê Quốc	Trung	DH13CK			0,5	1,5	7,5	9,5	9	5
45	13118320	Nguyễn Quốc	Trung	DH13CK			0,5	1,5	4,5	6,5	6	5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Cấu tạo truyền động máy kéo (207309) - 001_DH13CK_01** Số Tín Chỉ **3**

Ngày Thi **14/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **TV103** Giảng viên:**Võ Văn Thưu**

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13118332	Lê Quốc	Tuấn	DH13CK			0,5	1,0	6,0	7,5	7	5
47	13118337	Nguyễn Thanh	Tuấn	DH13CK			0,5	1,5	5,5	7,5	7	5
48	13118339	Nguyễn Minh	Tuyền	DH13CK		V	0	0	0	0	0	0
49	13118359	Vũ Gia	Vỹ	DH13CK			0,5	0,5	4,0	5,0	5	0
50	13118367	Huỳnh Đăng	Khoa	DH13CK			0,5	1,5	4,0	6,0	6	0
51	13334042	Nguyễn Triệu	Dương	CD13CI			0,5	1,5	4,5	6,5	6	5
52	13334061	Nguyễn Thế	Hiển	CD13CI			0,5	1,5	4,0	6,0	6	0
53	13334081	Nguyễn Bá	Huy	CD13CI			0,5	1,0	2,0	3,5	3	5
54	13334124	Đặng Thanh	Nam	CD13CI			0,5	1,5	3,0	5,0	5	0
55	13334171	Trần Tấn	Tài	CD13CI		V	0	0	0	0	0	0
56	13334172	Nguyễn Minh	Tâm	CD13CI			0,5	1,0	1,5	3,0	3	0
57	13334179	Phan Văn	Thành	CD13CI		V	0	0	0	0	0	0
58	13334204	Nguyễn Hồng	Thuận	CD13CI			0,5	1,0	3,5	5,0	5	0
59	13334209	Phạm Thành	Tiến	CD13CI			0,5	1,0	1,5	3,0	3	0
60	13334212	Lâm Quốc	Tiến	CD13CI			0,5	1,0	3,5	5,0	5	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 05142

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Cấu tạo truyền động máy kéo (207309) - 001_DH13CK_02** Số Tín Chỉ **3**

Ngày Thi **14/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **HD203** Giảng viên:**Võ Văn Thưa**

Lớp **CD12CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12344078	Trần Đức	Long	CD12CI	✓	✓	0,	,0	0	0	0	0
2	13118002	Đặng Ngọc	ẩn	DH13CK		2	0,5	1,0	6,0	7,5	7	5
3	13118033	Phạm Đình	Nguyên	DH13CK		1	0,5	1,0	4,0	5,5	5	5
4	13118039	Huỳnh Hồng	Phúc	DH13CK		1	0,5	0,5	1,0	2,0	2	0
5	13118044	Nguyễn Như	Quỳnh	DH13CK		2	0,5	1,0	5,0	6,5	6	5
6	13118060	Phạm Quang	Trung	DH13CK		2	0,5	1,0	4,0	5,5	6	5
7	13118095	Lưu Trần Tấn	Duy	DH13CK		1	0,5	1,0	4,0	5,5	5	5
8	13118097	Nguyễn Hoàng	Duy	DH13CK		1	0,5	1,5	2,5	4,5	4	5
9	13118112	Nguyễn Tiến	Đạt	DH13CK		2	0,5	1,5	5,0	7,0	7	0
10	13118156	Đỗ Minh	Huy	DH13CK		2	0,5	1,5	4,0	6,0	6	0
11	13118159	Lưu Quốc	Huy	DH13CK		2	0,5	1,0	7,0	8,5	8	5
12	13118161	Hoàng Phạm Thanh	Huỳnh	DH13CK		2	0,5	1,0	1,5	3,0	3	0
13	13118174	Trương Chí	Khang	DH13CK		2	0,5	1,0	7,5	9,0	9	0
14	13118181	Nguyễn Văn	Khánh	DH13CK	✓	✓	0,5	0,5	0	1,0	1	0
15	13118197	Nguyễn Chí	Linh	DH13CK		2	0,5	1,5	5,5	7,5	7	5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Cấu tạo truyền động máy kéo (207309) - 001_DH13CK_02** Số Tín Ch **3**

Ngày Thi **14/06/2016** Giờ Thi: **12:15** Phòng Thi **HD203** Giảng viên:**Võ Văn Thưa**

Lớp **DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118199	Đào Huy	Long	DH13CK		1	0,5	1,0	4	5,5	5	5
17	13118204	Trương Thanh	Lực	DH13CK		2	0,5	1,0	4,5	6,0	6	0
18	13118205	Nguyễn Bá	May	DH13CK		1	0,5	1,0	2,5	4,0	4	0
19	13118218	Lê Vũ Trường	Ngọc	DH13CK		2	0,5	1,0	6,5	8,0	8	0
20	13118255	Hồ Hoàng	Sơn	DH13CK		1	0,5	1,0	4,5	6,0	6	0
21	13118269	Võ Minh	Tây	DH13CK		2	0,5	1,5	7,5	9,5	9	5
22	13118279	Trương Quang	Thạnh	DH13CK		1	0,5	1,0	3,0	4,5	4	5
23	13118285	Nguyễn Phú	Thịnh	DH13CK		1	0,5	1,0	1,5	3,0	3	0
24	13118286	Phan Minh	Thông	DH13CK		1	0,5	1,0	1,0	2,5	2	5
25	13118291	Phạm Hữu	Thường	DH13CK		2	0,5	1,0	4,5	6,0	6	0
26	13118310	Bùi Thanh	Triển	DH13CK		1	0,5	1,0	1,5	3,0	3	0
27	13118364	Trương Công Hoài	Trung	DH13CK		2	0,5	1,0	3,5	5,0	5	0
28	13334117	Nguyễn Công	Lực	CD13CI		1	0,0	0,0	0,5	0,5	0	5
29	13334222	Từ Hữu	Trí	CD13CI		2	0,5	1,5	4,0	6,0	6	0
30	13334244	Lê Quang	Vinh	CD13CI		1	0,5	1,0	1,5	3,0	3	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 05143

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Sử dụng máy (207310) - 001_CD13CI_01** Số Tín Chỉ **2**

Ngày Thi **21/06/2016** Giờ Thi: **14:45** Phòng Thi **RD503** Giảng viên: **Võ Văn Thưa**

Lớp **DH10CK (Đại học chính quy (Tín chỉ)-Cơ khí nông lâm-2010)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	10118009	Trần Văn	Sang	DH10CK			0	0	0	0,0	0	0
2	11344020	Trần Văn	Hổ	CD11CI			0	0	0	0,0	0	0
3	12118092	Nguyễn Chí	Thanh	DH12CK			0,5	1	5	6,5	6	5
4	12344118	Nguyễn Ngọc	Nguyên	CD12CI			0,5	1,5	1,5	3,5	3	5
5	13118059	Trần Văn	Trọng	DH13CK			0,5	1,0	5,0	6,5	6	5
6	13118147	Nguyễn Thái	Hòa	DH13CK			0,5	1,5	5,5	7,5	7	5
7	13118176	Lê Đình	Khá	DH13CK			0,5	1,5	5,0	7,0	7	0
8	13118189	Nguyễn Hữu	Kiệt	DH13CK			0,5	1,0	7,0	8,5	8	5
9	13118239	Huỳnh Vũ	Phương	DH13CK			0,5	1,0	7,5	9,0	9	0
10	13118241	Ngô Duy	Quang	DH13CK			0,5	1,5	6,0	8,0	8	0
11	13118259	Huỳnh Trọng	Tài	DH13CK			0,5	1,5	4,5	6,5	6	5
12	13118321	Trần Minh	Trung	DH13CK			0,5	1,5	5,0	7,0	7	0
13	13334001	Võ Ngọc	An	CD13CI			0,5	0,0	2,0	2,5	2	5
14	13334005	Lê Thanh Tú	Anh	CD13CI			0,5	1,5	3,0	5,0	5	0
15	13334016	Trần Thanh	Bình	CD13CI			0,5	1,0	5	6,5	6	5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Sử dụng máy (207310) - 001_CD13CI_01** Số Tín Ch **2**

Ngày Thi **21/06/2016** **Giờ Thi: 14:45** Phòng Thi **RD503** **Giảng viên:Võ Văn Thưa**

Lớp **CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ___%	D2 ___%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13334018	Nguyễn Văn	Cảnh	CD13CI			0,5	1,0	6,0	7,5	7	5
17	13334025	Vi Văn	Chương	CD13CI			0,5	1,0	7,0	8,5	8	5
18	13334042	Nguyễn Triệu	Dương	CD13CI			0,5	1,5	7,0	9,0	9	0
19	13334048	Ngô Huỳnh	Đăng	CD13CI			0,5	1,0	2,5	4,0	4	0
20	13334061	Nguyễn Thế	Hiển	CD13CI			0,5	1,0	6,0	7,5	7	5
21	13334075	Nguyễn Huy	Hoàng	CD13CI			0,5	1,0	5,5	7,0	7	0
22	13334079	Đinh Lâm	Huy	CD13CI			0,5	1,5	4,0	6,0	6	0
23	13334081	Nguyễn Bá	Huy	CD13CI			0,5	1,5	1,5	3,5	3	5

Số sinh viên dự thi:.....Số sinh viên vắng:.....

Ngày 06 Tháng 07 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của Bộ Môn Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam Hoàng Văn Thức Võ Văn Thưa

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 05144

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Sử dụng máy (207310) - 002_CD13CI_01** Số Tín Ch **2**

Ngày Thi **21/06/2016** **Giờ Thi: 14:45** Phòng Thi **RD301** **Giảng viên:Võ Văn Thưa**

Lớp **CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13334113	Mai Vĩnh	Lợi	CD13CI			0,5	1,0	0,5	2,0	2	0
2	13334117	Nguyễn Công	Lực	CD13CI			0,5	1,0	1,5	3,0	3	0
3	13334124	Đặng Thanh	Nam	CD13CI			0,5	1,0	3,5	5,0	5	0
4	13334133	Lê Hữu	Nhân	CD13CI			0,5	1,0	4,0	5,5	5	5
5	13334155	Nguyễn Tấn	Quốc	CD13CI			0,5	1,0	1,5	3,0	3	0
6	13334161	Đặng Chiêu	Sinh	CD13CI			0,5	1,0	6,5	8,0	8	0
7	13334169	Nguyễn Văn	Tài	CD13CI			0,5	1,5	4,0	6,0	6	0
8	13334170	Tống Minh	Tài	CD13CI			0,5	1,5	1,5	3,5	3	5
9	13334171	Trần Tấn	Tài	CD13CI	V	V	0,5	1,0	0	1,5	1	5
10	13334172	Nguyễn Minh	Tâm	CD13CI			0,5	0,0	2,5	3,0	3	0
11	13334175	Đoàn Thiện	Thanh	CD13CI			0,5	1,0	2,5	4,0	4	0
12	13334179	Phan Văn	Thành	CD13CI	V	V	0	0	0	0	0	0
13	13334189	Đặng Tuấn	Thi	CD13CI			0,5	0,5	1,5	2,5	2	5
14	13334209	Phạm Thành	Tiền	CD13CI			0,5	0,0	2,5	3,0	3	0
15	13334212	Lâm Quốc	Tiến	CD13CI			0,5	1,0	0,5	2,0	2	0

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Sử dụng máy (207310) - 002_CD13CI_01** Số Tín Ch **2**

Ngày Thi **21/06/2016** **Giờ Thi: 14:45** Phòng Thi **RD301** **Giảng viên:Võ Văn Thưa**

Lớp **CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13334214	Trần Quốc	Tín	CD13CI			0,5	1,5	2,5	4,5	4	5
17	13334215	Phạm Minh	Toàn	CD13CI			0,5	1,5	4,5	6,5	6	5
18	13334216	Phạm Văn	Toàn	CD13CI			0,5	1,5	0,5	2,5	2	5
19	13334219	Nguyễn Văn	Triều	CD13CI			0,5	1,5	2,5	4,5	4	5
20	13334222	Từ Hữu	Trí	CD13CI			0,5	1,5	1,0	3,5	3	5
21	13334226	Đặng	Trung	CD13CI			0,5	1,5	2,5	4,5	4	5
22	13334233	Nguyễn Hoàng	Tuấn	CD13CI			0,5	1,5	5,0	7,0	7	0
23	13334236	Phạm Minh	Tú	CD13CI	√	√	0	0	0	0	0	0
24	13334244	Lê Quang	Vinh	CD13CI			0,5	1,5	4,0	6,0	6	0
25	13334252	Nguyễn Tấn Như	ý	CD13CI			0,5	1,5	4,0	6,0	6	0

Số sinh viên dự thi: 22 Số sinh viên vắng: 3

Ngày 06 Tháng 07 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1 — Nguyễn Thanh Dũng

Cán bộ coi thi 2 — Phạm Quang Thắng

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1 — Võ Văn Thưa

Cán Bộ Chấm Thi 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12058

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 01

CBGD: Võ Văn Thưa (317)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118002	Đặng Ngọc	ẩn	DH13CK				8	9	8,5	8	5
2	13118006	Trần Quang	Chung	DH13CK				9	8	8,0	8	0
3	13118015	Võ Đình	Hải	DH13CK				8	8,0	8,0	8	0
4	13118024	Ngô Minh	Lan	DH13CK				8,5	9,5	9,0	9	0
5	13118030	Trần Quốc	Nam	DH13CK				7	9	8,0	8	0
6	13118041	Lê Minh	Phương	DH13CK				6,5	7,5	7,0	7	0
7	13118044	Nguyễn Như	Quỳnh	DH13CK				6	7	6,5	6	5
8	13118045	Nguyễn Văn	Sang	DH13CK				6,5	7,5	7,0	7	0
9	13118091	Nguyễn Duy	Cường	DH13CK				0	0	0	0	0
10	13118108	Lâm Hữu Nguyễn	Đan	DH13CK				8	9	8,5	8	5
11	13118135	Trần Tuấn	Hiển	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
12	13118186	Đào Xuân	Khôi	DH13CK				7,5	7,5	7,5	7	5
13	13118208	Bùi Lương Bảo	Minh	DH13CK				6,5	7,5	7,0	7	0
14	13118221	Võ Văn	Nguyên	DH13CK				7	8	7,5	7	5
15	13118242	Nguyễn Ngọc Thiên	Quang	DH13CK				0	7	3,5	3	5
16	13118255	Hồ Hoàng	Sơn	DH13CK				6	7	6,5	6	5
17	13118275	Đặng Anh	Thảo	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
18	13118291	Phạm Hữu	Thường	DH13CK				7	7	7,0	7	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12058

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 01 **CBGD: Võ Văn Thưa (317)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13118307	Nguyễn Triệu	Toàn	DH13CK				9	9	9,0	9	0
20	13118337	Nguyễn Thanh	Tuấn	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
21	13118339	Nguyễn Minh	Tuyền	DH13CK				0	0	0,0	0	0
22	13334070	Thái Minh	Hiệp	CD13CI				8	8	8,0	8	0

Số lượng vắng: **Hiện diện:**

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Võ Văn Thưa Phạm Duy Lam

Ngày in : 06/06/2016 14:47

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12059

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 02 — **CBGD: Võ Văn Thưa (317)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ___%	D2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118008	Nguyễn Hoài Anh	Duy	DH13CK				7,5	7,5	7,5	7	5
2	13118017	Trần Văn	Hiệu	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
3	13118039	Huỳnh Hồng	Phúc	DH13CK				7,5	7,5	7,5	7	5
4	13118054	Đoàn Văn	Thoại	DH13CK				8	9	8,5	8	5
5	13118133	Nguyễn Hoàng	Hảo	DH13CK				8	8	8,0	8	0
6	13118137	Nguyễn Trọng	Hiếu	DH13CK				8	7	7,5	7	5
7	13118140	Đặng Ngọc	Hiệu	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
8	13118147	Nguyễn Thái	Hòa	DH13CK				7	7	7,0	7	0
9	13118156	Đỗ Minh	Huy	DH13CK				7,5	7,5	7,5	7	5
10	13118159	Lưu Quốc	Huy	DH13CK				6,5	7,5	7,0	7	0
11	13118174	Trương Chí	Khang	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
12	13118191	Nguyễn Tùng	Lâm	DH13CK				8	8	8,0	8	0
13	13118204	Trương Thanh	Lực	DH13CK				6	7	6,5	6	5
14	13118218	Lê Vũ Trường	Ngọc	DH13CK				9	9	9,0	9	0
15	13118231	Nguyễn Văn	Phi	DH13CK				6,5	7,5	7,0	7	0
16	13118259	Huỳnh Trọng	Tài	DH13CK				8,5	7,5	8,0	8	0
17	13118290	Phạm Quốc	Thuyên	DH13CK				7,5	8,5	8,0	8	0
18	13118310	Bùi Thanh	Triển	DH13CK				8	8	8,0	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12059

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 02 **CBGD: Võ Văn Thưa (317)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13118312	Bạch Huy	Trí	DH13CK				8,5	7,5	8,0	8	0
20	13118321	Trần Minh	Trung	DH13CK				7	7	7,0	7	0
21	13118343	Phạm Thanh	Tùng	DH13CK				6,5	7,5	7,0	7	0
22	13118367	Huỳnh Đăng	Khoa	DH13CK				6	8	7,0	7	0

Số lượng vắng: **Hiện diện:**

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Võ Văn Thưa

Phạm Duy Lam

Ngày in : 06/06/2016 14:47

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12060

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 04 **CBGD: Phạm Duy Lam (387)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ___%	D2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118010	Lê Tiến	Đạt	DH13CK				7,5	8,5	8,0	8	0
2	13118011	Trần Đình	Đức	DH13CK				7,5	7,5	7,5	7	5
3	13118020	Nhữ Sỹ	Hùng	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
4	13118021	Lương Phan Bá	Khôe	DH13CK				7,5	8,5	8,0	8	0
5	13118058	Lê Quang	Trọng	DH13CK				6,5	8,5	7,5	7	5
6	13118064	Nguyễn Văn	Tyl	DH13CK				6	8	7,5	7	5
7	13118112	Nguyễn Tiến	Đạt	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
8	13118123	Trịnh Đình Thanh	Đức	DH13CK				7	7	7,0	7	0
9	13118132	Nguyễn Văn	Hải	DH13CK				7,5	8,5	8,0	8	0
10	13118161	Hoàng Phạm Thanh	Huỳnh	DH13CK				7,5	7,5	7,5	7	5
11	13118181	Nguyễn Văn	Khánh	DH13CK				0	6,5	3,5	3	5
12	13118197	Nguyễn Chí	Linh	DH13CK				7,5	7,5	7,5	7	5
13	13118199	Đào Huy	Long	DH13CK				7,5	6,5	7,0	7	0
14	13118205	Nguyễn Bá	May	DH13CK				7,5	6,5	7,0	7	0
15	13118239	Huỳnh Võ	Phương	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
16	13118269	Võ Minh	Tây	DH13CK				9,5	9,5	9,5	9	5
17	13118282	Trần Nam	Thắng	DH13CK				8	7	7,5	7	5
18	13118286	Phan Minh	Thông	DH13CK				8	8	8,0	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12060

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 04 **CBGD: Phạm Duy Lam (387)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13118313	Dặng Xuân	Trọng	DH13CK				8	8	8,0	8	0
20	13118317	Lê Quốc	Trung	DH13CK				8,5	9,5	9,0	9	0
21	13118332	Lê Quốc	Tuấn	DH13CK				8	7	7,5	7	5
22	13334117	Nguyễn Công	Lực	CD13CI				0	0	0,0	0	0

Số lượng vắng: **Hiện diện:**

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Phạm Duy Lam

Võ Văn Thuần

Ngày in : 06/06/2016 14:47

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12061

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1 (207312) - 05 **CBGD: Phạm Duy Lam (387)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118025	Nguyễn Hoàng	Liêm	DH13CK				8	7	7,5	7	5
2	13118047	Phạm Minh	Tài	DH13CK				6,5	7,5	7,0	7	0
3	13118049	Lương Ngọc	Tân	DH13CK				7,5	7,5	7,5	7	5
4	13118060	Phạm Quang	Trung	DH13CK				7	7	7,0	7	0
5	13118078	Trịnh Quốc	Bảo	DH13CK				7,5	6,5	7,0	7	0
6	13118097	Nguyễn Hoàng	Duy	DH13CK				6,5	7,5	7,0	7	0
7	13118105	Trần Tùng	Dương	DH13CK				6	7	6,5	6	5
8	13118200	Dặng Hoàng	Long	DH13CK				6,5	7,5	7,0	7	0
9	13118209	Đỗ Văn	Minh	DH13CK				7	8	7,5	7	5
10	13118230	Cao Hoàng	Phi	DH13CK				8	8	8,0	8	0
11	13118232	Bùi Tấn	Phong	DH13CK				8	9	8,5	8	5
12	13118249	Tạ Văn	Quyền	DH13CK				7,5	7,5	7,5	7	5
13	13118279	Trương Quang	Thạnh	DH13CK				6	7	6,5	6	5
14	13118320	Nguyễn Quốc	Trung	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
15	13118359	Vũ Gia	Vỹ	DH13CK				6	7	6,5	6	5
16	13118364	Trương Công Hoài	Trung	DH13CK				8	8	8,0	8	0

Số lượng vắng: Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Phạm Duy Lam

Cán bộ chấm thi 2

Đỗ Văn Thuần

Ngày in : 06/06/2016 14:47

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12062

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 01 **CBGD: Võ Văn Thưa (317)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118002	Đặng Ngọc	ẩn	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
2	13118147	Nguyễn Thái	Hòa	DH13CK				8,0	8,0	8,0	8	0
3	13118174	Trương Chí	Khang	DH13CK				8,5	8,5	8,5	8	5
4	13118176	Lê Đình	Khá	DH13CK				8,0	9,0	8,5	8	5
5	13118218	Lê Vũ Trường	Ngọc	DH13CK				9,5	9,5	9,5	9	5
6	13118259	Huỳnh Trọng	Tài	DH13CK				7,5	8,5	8,0	8	0
7	13118321	Trần Minh	Trung	DH13CK				8,0	8,0	8,0	8	0
8	13118343	Phạm Thanh	Tùng	DH13CK				8,0	8,0	8,0	8	0
9	13334005	Lê Thanh Tú	Anh	CD13CI				8,0	8,0	8,0	8	0
10	13334023	Lê Tuấn	Chiến	CD13CI				7,0	7,0	7,0	7	0
11	13334042	Nguyễn Triệu	Dương	CD13CI				9,0	9,0	9,0	9	0
12	13334048	Ngô Huỳnh	Đăng	CD13CI				7,5	7,5	7,5	7	5
13	13334061	Nguyễn Thế	Hiển	CD13CI				9,0	9,0	9,0	9	0
14	13334074	Lường Văn	Hoàng	CD13CI				7,0	8,0	7,5	7	5
15	13334092	Nguyễn Văn	Hữu	CD13CI				7,0	8,0	7,5	7	5
16	13334102	Phạm Trung	Kiên	CD13CI			✓	0	0	0	0	0
17	13334124	Đặng Thanh	Nam	CD13CI				7,5	8,5	8,0	8	0
18	13334133	Lê Hữu	Nhân	CD13CI				8,0	9,0	8,5	8	5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12062

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 01 **CBGD: Võ Văn Thưa (317)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ___%	D2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13334171	Trần Tấn	Tài	CD13CI			√	0	0	0	0	0
20	13334172	Nguyễn Minh	Tâm	CD13CI				7,0	8,0	7,5	7	5
21	13334212	Lâm Quốc	Tiến	CD13CI				7,0	7,0	7,0	7	0
22	13334214	Trần Quốc	Tín	CD13CI				8,0	8,0	8,0	8	0
23	13334222	Từ Hữu	Trí	CD13CI				8,0	9,0	8,5	8	5
24	13334236	Phạm Minh	Tú	CD13CI			√	0	0	0	0	0
25	13334252	Nguyễn Tấn Như	ý	CD13CI				8,5	8,5	8,5	8	5

Số lượng vắng: **Hiện diện:**

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Võ Văn Thưa Phạm Duy Lam

Ngày in : 06/06/2016 14:47

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12063

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 02 **CBGD: Phạm Duy Lam (387)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 0,3 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	12118092	Nguyễn Chí	Thanh	DH12CK			✓	✓	✓	0	0	0
2	13118011	Trần Đình	Đức	DH13CK				8	7	7,3	7	3
3	13118030	Trần Quốc	Nam	DH13CK				7,5	7,5	7,5	7	5
4	13118049	Lương Ngọc	Tân	DH13CK				8	8	8	8	0
5	13118133	Nguyễn Hoàng	Hảo	DH13CK				7,5	8,5	8,2	8	2
6	13118189	Nguyễn Hữu	Kiệt	DH13CK				7,5	8,5	8,0	8	0
7	13118232	Bùi Tấn	Phong	DH13CK				9	9	9	9	0
8	13118276	Đàm Minh	Thái	DH13CK				9	9	9	9	0
9	13118312	Bạch Huy	Trí	DH13CK				9	8,5	8,7	8	7
10	13118317	Lê Quốc	Trung	DH13CK				9	9	9	9	0
11	13334001	Võ Ngọc	An	CD13CI				7,5	7,5	7,5	7	5
12	13334016	Trần Thanh	Bình	CD13CI				8	7	7,3	7	3
13	13334018	Nguyễn Văn	Cảnh	CD13CI				8	8	8	8	0
14	13334025	Vi Văn	Chương	CD13CI				8	7,5	7,7	7	7
15	13334050	Nguyễn Tấn	Đức	CD13CI				8	7	7,3	7	3
16	13334075	Nguyễn Huy	Hoàng	CD13CI				8	7	7,3	7	3
17	13334077	Đường Khoa	Học	CD13CI				8	7	7,3	7	3
18	13334081	Nguyễn Bá	Huy	CD13CI				8,5	8	8,2	8	2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12063

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 2 (207313) - 02 **CBGD: Phạm Duy Lam (387)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13334117	Nguyễn Công	Lực	CD13CI				7	6	6,3	6	3
20	13334138	Đinh Văn	Phi	CD13CI				7,5	7	7,2	7	2
21	13334161	Đặng Chiêu	Sinh	CD13CI				8	8	8	8	0
22	13334215	Phạm Minh	Toàn	CD13CI				7	7,5	7,4	7	4
23	13334216	Phạm Văn	Toàn	CD13CI				7,5	7	7,2	7	2
24	13334219	Nguyễn Văn	Triều	CD13CI				7	7	7	7	0
25	13334244	Lê Quang	Vinh	CD13CI				7	7	7	7	0

Số lượng vắng: Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Phạm Duy Lam Phạm Duy Lam

Ngày in : 06/06/2016 14:47

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12064

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 01 **CBGD: Kiều Văn Đức (856)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Điểm phần lẻ
1	13118002	Đặng Ngọc	ẩn	DH13CK			2	2	5	9	9	0
2	13118008	Nguyễn Hoài Anh	Duy	DH13CK			2	2	6	10	10	0
3	13118010	Lê Tiến	Đạt	DH13CK			2	2	4	8	8	0
4	13118015	Võ Đình	Hải	DH13CK			2	2	3	7	7	0
5	13118024	Ngô Minh	Lan	DH13CK			2	2	4	8	8	0
6	13118039	Huỳnh Hồng	Phúc	DH13CK			2	2	3	7	7	0
7	13118045	Nguyễn Văn	Sang	DH13CK			2	2	3	7	7	0
8	13118064	Nguyễn Văn	Tyl	DH13CK			2	2	2	6	6	0
9	13118091	Nguyễn Duy	Cường	DH13CK			2	2	5	9	9	0
10	13118112	Nguyễn Tiến	Đạt	DH13CK			2	2	5	9	9	0
11	13118133	Nguyễn Hoàng	Hảo	DH13CK			2	2	5	9	9	0
12	13118135	Trần Tuấn	Hiển	DH13CK			2	2	4	8	8	0
13	13118140	Dặng Ngọc	Hiệu	DH13CK			2	2	5	9	9	0
14	13118204	Trương Thanh	Lực	DH13CK			2	2	5	9	9	0
15	13118209	Đỗ Văn	Minh	DH13CK			2	2	5	9	9	0
16	13118239	Huỳnh Vũ	Phương	DH13CK			2	2	5	9	9	0
17	13118276	Đàm Minh	Thái	DH13CK			2	2	4	8	8	0
18	13118332	Lê Quốc	Tuấn	DH13CK			2	2	6	10	10	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12064

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 01 **CBGD: Kiều Văn Đức (856)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13118364	Trương Công Hoài	Trung	DH13CK			2	2	5	9	9	0
20	13334005	Lê Thanh Tú	Anh	CD13CI			2	2	4	8	8	0

Số lượng vắng: **Hiện diện:**

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Kiều Văn Đức

Ngày in : 06/06/2016 14:47

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12065

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 02 **CBGD: Kiều Văn Đức (856)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Điểm phần lẻ
1	12118092	Nguyễn Chí	Thanh	DH12CK			2	2	5	9	9	0
2	13118021	Lương Phan Bá	Khốc	DH13CK			2	2	3	7	7	0
3	13118025	Nguyễn Hoàng	Liêm	DH13CK			2	2	5	9	9	0
4	13118047	Phạm Minh	Tài	DH13CK			2	2	3	7	7	0
5	13118078	Trịnh Quốc	Bảo	DH13CK			2	2	5	9	9	0
6	13118105	Trần Tùng	Dương	DH13CK			2	2	5	9	9	0
7	13118163	Lâm Thái	Hùng	DH13CK			2	2	6	10	10	0
8	13118186	Đào Xuân	Khôi	DH13CK			2	2	2	6	6	0
9	13118200	Đặng Hoàng	Long	DH13CK			2	2	2	6	6	0
10	13118201	Nguyễn Tấn	Lộc	DH13CK			2	2	2	6	6	0
~~11~~	~~13118214~~	~~Trần Hoài~~	~~Nam~~	~~DH13CK~~							0	0
12	13118290	Phạm Quốc	Thuyên	DH13CK			2	2	5	9	9	0
13	13118320	Nguyễn Quốc	Trung	DH13CK			2	2	6	10	10	0
14	13118359	Vũ Gia	Vỹ	DH13CK			2	2	4	8	8	0
15	13334042	Nguyễn Triều	Dương	CD13CI			2	2	5	9	9	0
16	13334070	Thái Minh	Hiệp	CD13CI			2	2	5	9	9	0
~~17~~	~~13334171~~	~~Trần Tấn~~	~~Tài~~	~~CD13CI~~							0	0
18	13334172	Nguyễn Minh	Tâm	CD13CI			2	2	5	9	9	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12065

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 02 **CBGD: Kiều Văn Đức (856)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13334182	Phan Văn	Thạch	CD13C1			2	2	5	9	9	0
20	13334209	Phạm Thành	Tiền	CD13C1			2	2	1	5	5	0

Số lượng vắng: **Hiện diện:**

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Kiều Văn Đức

Ngày in : 06/06/2016 14:47

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 12170

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Luận văn tốt nghiệp (207317) - 01 **CBGD: ()**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ___%	Đ2 ___%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	12118006	Nguyễn Văn	Trọng	DH12CK						9	9	0
2	12118009	Trần Tuấn	An	DH12CK						7,9	7	9
3	12118019	Hồ Tấn	Duy	DH12CK						8,2	8	2
4	12118022	Đinh Công	Sơn	DH12CK						6,2	6	2
5	12118036	Trần Văn	Hiệp	DH12CK						8,9	8	9
6	12118055	Nguyễn Trung	Tuân	DH12CK						/	0	0
7	12118082	Lê Văn	Sơn	DH12CK						8,7	8	7
8	12118092	Nguyễn Chí	Thanh	DH12CK						8,9	8	9
9	12118095	Dương Công	Trạch	DH12CK						/	0	0
10	12118097	Long Quốc	Tiến	DH12CK						8,8	8	8
11	12118100	Phan Thanh	Lễ	DH12CK						6,6	6	6
12	12118104	Trần Đức	Giáp	DH12CK						8,7	8	7
13	12118108	Lê Quang	Tường	DH12CK						7,3	7	3
14	12118113	Phan Thái	Học	DH12CK						8,2	8	2
15	12118119	Nguyễn Trung	Tất	DH12CK						6,4	6	4

Số lượng vắng: **Hiện diện:**

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Nguyễn Huy Bích

Ngày in : 08/06/2016 15:46

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 05145

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Sử dụng máy trong nông nghiệp (207320) - 001_CD13CI_01** Số Tín Chỉ **4**

Ngày Thi **24/06/2016** Giờ Thi: **09:30** Phòng Thi **RD303** Giảng viên:**Đặng Hữu Dũng**

Lớp **CD11CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	11344036	Đỗ Văn	Thắng	CD11CI			1	0,5	1	2,5	2	5
2	12344030	Trần Anh	Dũng	CD12CI			2	0,6	2,2	4,8	4	8
3	12344032	Nguyễn Trùng	Dương	CD12CI			2	1	1,6	4,6	4	6
4	12344052	Phạm Chí	Tuấn	CD12CI			2	0,8	1	3,8	3	8
5	12344067	Trịnh Cao	Kỳ	CD12CI			1,8	0,9	3,1	5,8	5	8
6	12344078	Trần Đức	Long	CD12CI		✓				/	0	
7	12344101	Lê Hồng	Phong	CD12CI			1,4	0,8	2,2	4,4	4	4
8	12344102	Dương Quốc	Pháp	CD12CI			1,8	0,9	1	3,7	3	7
9	12344111	Võ Tấn	Thiện	CD12CI			1,3	0,6	2,5	4,4	4	4
10	12344118	Nguyễn Ngọc	Nguyên	CD12CI			1,6	0,6	2,5	4,7	4	7
11	12344137	Lê Hiếu	Trung	CD12CI			2	0,8	1,6	4,4	4	4
12	12344139	Nguyễn Bá	Trung	CD12CI			1,6	1	1,9	4,5	4	5
13	12344143	Hồ Văn	Hạ	CD12CI			1,4	0,8	1,6	3,8	3	8
14	12344155	Nguyễn Văn	Phê	CD12CI			2	0,4	0,7	3,1	3	1
15	12344163	Văn Văn	Dư	CD12CI		✓				/	0	

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Sử dụng máy trong nông nghiệp (207320) - 001_CD13CI_01** Số Tín Chỉ **4**

Ngày Thi **24/06/2016** Giờ Thi: **09:30** Phòng Thi **RD303** Giảng viên:**Đặng Hữu Dũng**

Lớp **CD12CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12344187	Hồ Trần	Huy	CD12CI		✓				/	0	0
17	12344191	Hà Tấn	Tài	CD12CI			1,4	0,7	1,6	3,7	3	7
18	12344197	Nguyễn Thành	Tâm	CD12CI			1,2	0,7	2,1	4	4	0
19	12344198	Cai Trung	Kiệt	CD12CI		✓				/	0	0
20	13334001	Võ Ngọc	An	CD13CI			0	0	1,6	1,6	1	6
21	13334005	Lê Thanh Tú	Anh	CD13CI			1,6	0,6	1,3	3,5	3	5
22	13334016	Trần Thanh	Bình	CD13CI			1,6	1	1,4	4	4	0
23	13334018	Nguyễn Văn	Cảnh	CD13CI			2	1,2	2,2	5,4	5	4
24	13334023	Lê Tuấn	Chiến	CD13CI			1,6	0,9	0,7	3,2	3	2
25	13334025	Vi Văn	Chương	CD13CI			2	1	2,2	5,2	5	2
26	13334042	Nguyễn Triệu	Dương	CD13CI			2	1	2,2	5,2	5	2
27	13334048	Ngô Huỳnh	Dẳng	CD13CI			1,8	0,6	1,9	4,3	4	2
28	13334050	Nguyễn Tấn	Đức	CD13CI			1,7	0,6	0,7	3	3	0
29	13334061	Nguyễn Thế	Hiển	CD13CI			2	0,8	1,2	4	4	0
30	13334070	Thái Minh	Hiệp	CD13CI			2	0,6	1	3,6	3	6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Sử dụng máy trong nông nghiệp (207320) - 001_CD13CI_01** Số Tín Chỉ **4**

Ngày Thi **24/06/2016** **Giờ Thi: 09:30** Phòng Thi **RD303** **Giảng viên:Đặng Hữu Dũng**

Lớp **CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13334074	Lương Văn	Hoàng	CD13CI			1,6	0,3	1,3	3,2	3	2
32	13334075	Nguyễn Huy	Hoàng	CD13CI			1,7	1	1,9	4,6	4	6
33	13334077	Dương Khoa	Học	CD13CI			1,8	0,6	1,6	4	4	0
34	13334079	Đinh Lâm	Huy	CD13CI			2	0,9	1,1	4	4	0
35	13334081	Nguyễn Bá	Huy	CD13CI			1,2	0,5	0,4	2,1	2	1
36	13334092	Nguyễn Văn	Hữu	CD13CI			1,6	0,8	1,6	4	4	0
37	13334111	Trần Văn	Lộc	CD13CI			2	0,6	0,7	3,3	3	3
38	13334113	Mai Vĩnh	Lợi	CD13CI			1,8	0,4	1	3,2	3	2
39	13334117	Nguyễn Công	Lực	CD13CI			1,6	0,6	0,4	2,6	2	6

Số sinh viên dự thi 35 .Số sinh viên vắng: 4

Ngày 6 Tháng 7 Năm 2016

Cán bộ coi thi 1

Phạm Minh Hiếu

Cán bộ coi thi 2

Lê Khắc Quí

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Đặng Hữu Dũng

Cán Bộ Chấm Thi 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 05146

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Sử dụng máy trong nông nghiệp (207320) - 002_CD13CI_01** Số Tín Chỉ **4**

Ngày Thi **24/06/2016** **Giờ Thi: 09:30** Phòng Thi **RD401** **Giảng viên:Đặng Hữu Dũng**

Lớp **CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13334124	Đặng Thanh	Nam	CD13CI			1,6	0,8	1,6	4	4	0
2	13334133	Lê Hữu	Nhân	CD13CI			1,8	0,8	1,9	4,5	4	5
3	13334135	Nguyễn Minh	Nhật	CD13CI			1,4	0,6	2,2	4,2	4	2
4	13334138	Đinh Văn	Phi	CD13CI			1,6	0,4	2,7	4,7	4	7
5	13334155	Nguyễn Tấn	Quốc	CD13CI			1,6	1	1,9	4,5	4	5
6	13334161	Đặng Chiêu	Sinh	CD13CI			2	0,6	3,4	6	6	0
7	13334169	Nguyễn Văn	Tài	CD13CI			1,2	0,2	3,4	4,8	4	8
8	13334170	Tống Minh	Tài	CD13CI			1,4	1,1	1,3	3,8	3	8
9	13334171	Trần Tấn	Tài	CD13CI	V	V				/	0	0
10	13334172	Nguyễn Minh	Tâm	CD13CI			1,2	0,4	1,3	2,9	2	9
11	13334175	Đoàn Thiện	Thanh	CD13CI			1,6	0,8	1,9	4,3	4	3
12	13334179	Phan Văn	Thành	CD13CI	V	V				/	0	0
13	13334181	Trần Văn	Thành	CD13CI			1,2	0,6	3,2	5	5	0
14	13334182	Phan Văn	Thạch	CD13CI			2	0,8	4	6,8	6	8
15	13334189	Đặng Tuấn	Thi	CD13CI			1,4	0	1,9	3,3	3	3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm **Sử dụng máy trong nông nghiệp (207320) - 002_CD13CI_01** Số Tín Chỉ **4**

Ngày Thi **24/06/2016** **Giờ Thi: 09:30** Phòng Thi **RD401** **Giảng viên:Đặng Hữu Dũng**

Lớp **CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20%	Đ.Số 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13334204	Nguyễn Hồng	Thuận	CD13CI			1,4	0,6	2,2	4,2	4	2
17	13334209	Phạm Thành	Tiến	CD13CI			1,2	0,3	2,2	3,7	3	7
18	13334212	Lâm Quốc	Tiến	CD13CI			1,7	0,6	3,1	5,4	5	4
19	13334214	Trần Quốc	Tín	CD13CI			1,8	0,6	3,1	5,5	5	5
20	13334215	Phạm Minh	Toàn	CD13CI			2	1,3	3,7	7	7	0
21	13334216	Phạm Văn	Toàn	CD13CI			2	1,5	4	7,3	7	3
22	13334219	Nguyễn Văn	Triều	CD13CI			1,8	0,8	1,6	4,2	4	2
23	13334222	Từ Hữu	Trí	CD13CI			1,4	1	1,9	4,3	4	3
24	13334226	Đăng	Trung	CD13CI			1,4	0,6	1,3	3,3	3	3
25	13334233	Nguyễn Hoàng	Tuấn	CD13CI			1,6	0,5	3,1	5,2	5	2
26	13334236	Phạm Minh	Tú	CD13CI	✓	✓				—	0	0
27	13334244	Lê Quang	Vinh	CD13CI			1,4	0,8	1,9	4,1	4	1
28	13334252	Nguyễn Tấn Như	ý	CD13CI			1,2	0,8	2	4	4	0